TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số:23/2023/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 27 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 650/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tiến N, sinh năm 1994

Nơi thường trú: Thôn ĐT, xã TX, huyện LT, tỉnh BN

Bị đơn: Chị Trần Thị Minh Ph, **sinh năm 1989** (*theo Căn cước công dân số 019189005xxx do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/8/2022 và Chứng minh nhân dân số: 091068yyy do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 26/8/2015*); **sinh năm 1992** (*theo Giấy chứng nhận Kết hôn số 17/2017 do UBND* xã TX, huyện LT, tỉnh BN *cấp ngày 15/5/2017*).

Nơi thường trú: tổ X (nay là tổ Y) phường P, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 54, 55, 81, 82, 83, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2023

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Tiến N và chị Trần Thị Minh Ph

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Tiến N và chị Trần Thị Minh Ph xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 09/8/2017, các đương sự thống nhất thỏa thuận:

Giao con chung Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 09/8/2017 cho chị Trần Thị Minh Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Tiến N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 09/8/2017 với mức cấp dưỡng là 2.000.000/tháng (Hai triệu đồng/tháng), cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng anh Nguyễn Tiến N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con qua tài khoản số 034704060126xxx chủ tài khoản là Trần Thị Minh Ph tại Ngân hàng Quốc Tế Việt Nam.

Anh Nguyễn Tiến N có quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung, cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích của con chung, các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung, công nợ chung: Anh N, chị Ph xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.5 Về án phí: Anh Nguyễn Tiến N tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000313 ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự

THẨM PHÁN

**** Nơi nhận*:**
- Đương sự;
-TAND tỉnh Thái Nguyên;
-VKSND thành phố Thái Nguyên;
-Chi cục THA dân sự TP. Thái Nguyên;
-UBND xã TX, huyện LT, tỉnh BN;
- Lưu: VP, HS.

Chu Thị Bích Hiền